

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-ST

Ngày: 04-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Nhiêu Phong.

2/ Ông Nguyễn Thanh Phiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 462/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Phạm H, sinh năm 1992, là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền ngày 02-8-2023) (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị Mai H, sinh năm 1981.

Anh Võ M, sinh năm 1983.

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng L, sinh năm 1975. (văn bản ủy quyền ngày 10-11-2023), là người đại diện theo ủy quyền (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình cung cấp chứng cứ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Phạm H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên vào ngày 30-5-2023 ông C cho chị Mai H và anh Võ M vay số tiền 150.000.000 đồng. Khi vay tiền thì chị H có làm giấy nợ. Khi ông C cho vay thì ông C có đề nghị anh M cùng ký tên trong giấy vay tiền, nhưng anh M bận không đến ký, đồng thời ông C nhận thấy số tiền vay không lớn, chị H và anh M có cơ sở làm ăn kinh doanh tại địa phương và có uy tín nên ông C tin tưởng không cho anh M cùng ký tên. Khi vay thì hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, chị H đã trả cho ông C 01 tháng tiền lãi là 4.500.000 đồng. Khi vay thì chị H nói với ông C mục đích vay tiền là để kinh doanh trong gia đình và thỏa thuận miệng với nhau 01 tháng sau sẽ trả lại tiền cho ông C. Tuy nhiên đến nay thì chị H, anh M chưa trả số tiền vay cho ông như đã thỏa thuận. Nay ông C yêu cầu anh M, chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C số tiền nợ vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30-6-2023 cho đến khi Tòa án giải quyết vụ việc.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Đặng L trình bày:

Đầu năm 2022 thì chị H có hùn vốn làm ăn với chị Ngô N. Do đó chị H cần vốn làm ăn riêng và để kiếm tiền thêm thu nhập cho bản thân, nên chị H có vay tiền của bà H (tên gọi khác là D). Từ tháng 05-2022 chị H vay của bà H 120.000.000 đồng, từ tháng 06 cho đến tháng 11-2022 chị H vay của bà H 400.000.000 đồng, tổng cộng vay 500.000.000 đồng. Đến tháng 12-2022 do làm ăn được nên trong tháng 12 chị H đã trả cho bà H 400.000.000 đồng (kèm theo trả lãi suất 6%/tháng). Thấy mô hình kinh doanh có lãi, nên đến cuối tháng 12-2022 chị H tiếp tục vay của bà H số tiền 400.000.000 đồng để đầu tư lớn hơn. Nhưng đến tháng 05-2023 chị N báo với chị H là tình hình làm ăn thua lỗ, những người lấy vé số gói đầu đều đã bỏ trốn. Để có tiền đóng tiền lãi và bù vào tiền làm ăn thua lỗ nên chị H đã vay của ông C số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Khi vay thì chị H có đưa cho ông C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, nhưng không biết lý do vì sao hiện nay bà Đình H (D) lại là người giữ, do đó đề nghị Tòa án làm rõ nội dung này. Việc chị H vay tiền thì chỉ do một mình chị H vay, không liên quan đến chồng chị H là anh Võ M, mọi việc hùn vốn làm ăn thì do chị H tự quyết định, chị H không mang bất kỳ lợi ích nào từ việc hùn vốn làm ăn đại lý vé số để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do làm ăn thua lỗ nên chị H không đóng lãi được cho ông C. Nay chị H đồng ý có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 1500.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi thì chị H đồng ý trả tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30-6-2023 đến ngày Tòa án giải quyết, đề nghị khấu trừ số tiền lãi 4.500.000 đồng mà chị H đã đóng cho ông C. Anh M không đồng ý có nghĩa vụ cùng chị H trả số nợ trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C đối với anh M, chị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị H có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền nợ vay 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30-6-2023, xem xét khấu trừ số tiền lãi chị H đã trả vượt quá quy định.

Không chấp nhận yêu cầu của ông C về việc buộc anh M có trách nhiệm liên đới cùng chị H trả tiền nợ vay cho ông C.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn C khởi kiện yêu cầu chị Mai H và anh Võ M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay và tiền lãi theo quy định. Căn cứ Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Đối với yêu cầu trả nợ gốc: Do có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội, không phải bà con thân thích nên vào ngày 30-5-2023 ông C cho chị H vay số tiền 150.000.000 đồng. Khi vay thì chị H có viết giấy nợ đối với khoản vay. Nay ông C yêu cầu chị H, anh M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật vì ông C cho rằng mục đích chị H vay tiền là để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình và anh M biết việc chị H vay tiền của ông C. Xét thấy việc giao kết hợp đồng vay tiền giữa chị H và ông C là phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Ông C cho rằng anh M biết và thống nhất ý M với chị H trong việc vay tiền của ông nhưng giấy nợ thì chỉ cho một mình chị H ký tên trong khi anh M, chị H là vợ chồng hợp pháp. Ngoài lời trình bày của ông C thì anh M không thừa nhận cũng như không có chứng cứ, chứng minh việc anh M thống nhất với chị H trong việc vay tiền của ông C. Anh M và chị H hiện đang hoạt động phòng khám tại địa phương, chị H phụ trách quản lý phòng khám, ngoài ra không có nghề nghiệp gì khác, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình vẫn đảm bảo được từ nguồn lương của anh M và thu nhập của phòng khám. Mặt khác, qua làm việc với chị Ngô N thì chị N

xác định có việc hùn vốn để kinh doanh đại lý vé số với chị H nhưng bị thua lỗ và anh M không biết việc hùn vốn giữa chị N, chị H.

Từ những phân tích trên thấy rằng không có chứng cứ chứng minh anh M biết việc chị H vay tiền của ông C, không có căn cứ xác định những khoản vay của chị H để nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, vì vậy anh M không có nghĩa vụ chung với chị H trong việc trả số tiền nợ vay trên. Do đó buộc chị H có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi:

Các bên thống nhất xác định lãi suất thỏa thuận khi vay 150.000.000 đồng là 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ và chị H đã trả cho ông C 01 tháng tiền lãi là 4.500.000 đồng. Do đó đây là khoản vay không kỳ hạn và có lãi. Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì lãi suất các bên thỏa thuận là 36%/năm (vượt quá 20%/năm), do đó lãi suất được tính sẽ là 20%/năm. Như vậy số tiền lãi theo quy định mà chị H phải trả là 2.500.000 đồng/tháng, chị H đã trả cho ông C số tiền lãi cho tháng 06-2023 là 4.500.000 đồng, cho nên số tiền lãi vượt quá quy định là 2.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì người đại diện theo ủy quyền của ông C và chị H thống nhất tiền lãi phải trả theo quy định của pháp luật từ ngày 30-6-2023 đến ngày Tòa án xét xử, đối với khoản tiền lãi mà chị H đã trả vượt quá quy định thì đề nghị khấu trừ vào số tiền lãi mà chị H phải trả. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 30-6-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (04-5-2024) là 10 tháng 04 ngày x 20%/năm x 150.000.000 đồng – 2.000.000 đồng = 23.333.000 đồng (đã làm tròn). Từ phân tích tại mục [2] thì buộc chị H có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền lãi là 23.333.000 đồng.

[4] Người đại diện theo ủy quyền của chị H trình bày khi vay thì chị H có đưa cho ông C giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, tuy nhiên ông C không thừa nhận và chị H cũng không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, trong vụ án giữa nguyên đơn là bà Đinh H (D) với bị đơn là anh M, chị H thì bà H xác định là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị H và đã được Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án trên. Vì vậy đối với vụ án này Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu là phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử, do đó có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội thì chị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C đối với chị Mai H, anh Võ M trong việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Mai H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn C số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là 23.333.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn) đồng, tổng cộng là 173.333.000 (Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (04-5-2024) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Mai H phải chịu 8.666.650 (Tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho ông Nguyễn C số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng mà ông C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013955 ngày 06-10-2023.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

- Lưu.

Lê Hoàng Nam